

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 3686/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế quản lý tài chính của sở giao dịch chứng khoán thành phố
Hồ Chí Minh**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 11/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2644/QĐ-BTC ngày 06/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý tài chính của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Xuân Hà

QUY CHẾ

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3686/QĐ-BTC ngày 22/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Sở Giao dịch) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Sở Giao dịch được Nhà nước giao vốn, đất đai và các nguồn lực khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 37, 38 Luật Chứng khoán và Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Giao dịch là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính; có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại trong nước, nước ngoài.

Điều 3. Sở Giao dịch chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính; Bộ Tài chính thực hiện quyền và nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu vốn và tài sản đối với Sở Giao dịch.

Điều 4. Sở Giao dịch thực hiện chế độ tài chính theo quy định tại Quy chế này; thực hiện chế độ báo cáo, thống kê, kế toán và kiểm toán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN

Điều 5. Vốn hoạt động của Sở Giao dịch bao gồm:

1. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Sở Giao dịch là 1.000 (một nghìn) tỷ đồng, gồm:

a) Vốn nhà nước chuyển giao từ Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;

b) Vốn bổ sung của Nhà nước trong quá trình hoạt động;

c) Việc tăng vốn điều lệ của Sở Giao dịch do Bộ Tài chính quyết định. Khi có quyết định thay đổi mức vốn điều lệ, Sở Giao dịch phải điều chỉnh kịp thời bảng cân đối kế toán và Điều lệ Sở Giao dịch, làm các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ và công bố theo quy định của pháp luật.

2. Vốn tự bổ sung từ lợi nhuận sau thuế và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Vốn huy động

a) Trong trường hợp cần thiết, Sở Giao dịch chứng khoán được phép huy động vốn để phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật của thị trường chứng khoán nhưng không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Sở Giao dịch;

b) Hội đồng quản trị báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định các hợp đồng vay vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Sở Giao dịch;

c) Các hợp đồng vay vốn có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Sở Giao dịch do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định theo thẩm quyền;

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Sở Giao dịch trong việc quản lý, sử dụng vốn và quỹ

1. Sở Giao dịch được quyền quản lý và sử dụng vốn Nhà nước đã đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; chịu trách nhiệm trước Bộ Tài chính về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến Sở Giao dịch như các thành viên của Sở, người lao động theo các hợp đồng và điều khoản đã cam kết.

2. Sở Giao dịch có trách nhiệm bảo toàn vốn bằng các biện pháp:

a) Mua bảo hiểm tài sản cho các loại tài sản sau:

- Nhóm tài sản hạ tầng công nghệ bao gồm: Hệ thống giao dịch chính; hệ thống đăng ký, lưu ký và thanh toán bù trừ; hệ thống thông tin; hệ thống dịch vụ phụ trợ; hệ thống dự phòng; hệ thống đường truyền, cơ sở dữ liệu và các hệ thống công nghệ thông tin khác.

- Nhóm các tài sản khác: nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

b) Trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành đối với công ty nhà nước; trích quỹ bồi thường thiệt hại cho thành viên giao dịch và các khoản dự phòng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đầu tư vốn ra bên ngoài Sở Giao dịch

1. Sở Giao dịch được đầu tư, góp vốn với các tổ chức kinh tế khác để cung cấp các dịch vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ cung cấp thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Sở Giao dịch nhằm mục tiêu phát triển thị trường chứng khoán. Ngoài các lĩnh vực trên, Sở Giao dịch không được đầu tư góp vốn và tham gia mua, bán cổ phiếu, trái phiếu, các loại giấy tờ có giá.

2. Sở Giao dịch chỉ được phép sử dụng tối đa 20% vốn điều lệ thực có cho hoạt động đầu tư và góp vốn đầu tư của Sở Giao dịch từ vốn huy động và vốn điều lệ

3. Hội đồng quản trị báo cáo Bộ Tài chính quyết định các phương án đầu tư góp vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Sở Giao dịch tại thời điểm gần nhất.

4. Các phương án đầu tư, góp vốn dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Sở Giao dịch tại thời điểm gần nhất do Hội đồng quản trị quyết định

hoặc phân cấp cho Tổng Giám đốc Sở Giao dịch quyết định theo thẩm quyền.

Điều 8. Tài sản cố định

1. Tài sản cố định (TSCĐ) của Sở Giao dịch bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình. Tiêu chuẩn (về thời gian và giá trị) và nguyên giá tài sản cố định xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Sở Giao dịch do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở tuân thủ chế độ của Nhà nước:

a) Hội đồng Quản trị xây dựng và báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt Đề án xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Sở Giao dịch phù hợp với quy mô hoạt động từng thời kỳ;

b) Căn cứ Đề án được duyệt, Hội đồng quản trị quyết định hoặc phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định theo thẩm quyền đối với các dự án đầu tư, mua sắm tài sản cố định.

Điều 9. Khấu hao tài sản cố định:

1. Tất cả các tài sản cố định hiện có của Sở Giao dịch bao gồm cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý, trừ những tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi công cộng đều phải trích khấu hao. Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động nghiệp vụ không phải trích khấu hao. Mức trích khấu hao tài sản cố định căn cứ vào giá trị tài sản cố định và thời gian trích khấu hao.

Thời gian, mức trích khấu hao, khấu hao nhanh, chi phí khấu hao tài sản cố định thực hiện theo chế độ quy định của Nhà nước.

2. Khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động nghiệp vụ được hạch toán vào chi phí hoạt động nghiệp vụ.

3. Khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động quản lý hạch toán vào chi phí quản lý.

4. Khấu hao tài sản cố định chưa cần dùng, không cần dùng, chờ thanh lý hạch toán vào chi phí khác.